

KINH ĐẠI BÁT BIẾT BÀN

QUYỂN XXIX

PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG 3

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, tất cả các pháp có hai thứ nhân; một là Chánh nhân, hai là Duyên nhân. Do hai nhân này nên không có trói buộc, giải thoát. Năm ấm này niệm niệm sinh diệt. Đã sinh diệt thì có gì là trói buộc và giải thoát.

Bạch Thế Tôn! Nhân nơi năm ấm này mà sinh năm ấm sau, năm ấm này tự diệt không đến ấm kia, dầu không đến kia nhưng có thể sinh ấm kia. Như do hạt sinh mầm, hạt không đến mầm, tuy không đến mầm mà có thể sinh mầm. Chúng sinh cũng vậy. Thế nào là trói buộc và giải thoát?

–Này thiện nam! Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông giảng nói rõ ràng. Này thiện nam! Như người lúc sắp chết rất khổ, quyến thuộc vây quanh, gào khóc thảm thương, người ấy hoảng sợ không biết cầu cứu nương tựa ai, tuy có nắm căn mà không hay biết, chân tay run rẩy không thể tự chủ, thân thể lạnh ngắt, hơi nóng sắp hết, thấy tướng nghiệp báo thiện, ác đã tạo từ trước. Thiện nam! Như mặt trời sắp lặn thì bóng của núi đồi ngã về hướng Đông, không bao giờ ngã về hướng Tây. Nghiệp quả của chúng sinh cũng như vậy, khi thân năm ấm này diệt thì thân năm ấm kia tiếp tục sinh. Như đèn được thắp sáng lên thì bóng tối mất, đèn tắt thì bóng tối hiện ra. Thiện nam! Như ấn sấp in vào đất sét, ấn hợp cùng đất sét, ấn xong lần chữ nổi lên, mà ấn sấp này không biến nơi đất sét, lần chữ không phải từ đất sét ra, cũng không phải từ chỗ khác đến. Do ấn làm nhân duyên nên sinh ra lần chữ. Hiện tại năm ấm diệt, thân trung ấm sinh,

năm ấm hiện tại này không bao giờ biến làm thân trung ấm, thân trung ấm cũng chẳng tự sinh, chẳng từ nơi khác đến, do thân hiện tại mà sinh thân trung ấm. Như ấn in vào đất sét, ấn xong lần chữ nổi lên, danh từ tuy không sai khác nhưng thời tiết đều riêng khác. Do vậy, nên Ta nói thân trung ấm chẳng phải nhục nhãn thấy được, thiên nhãn mới nhìn thấy được. Thân trung ấm có ba cách ăn: Một là tư thực, hai là xúc thực, ba là ý thực. Thân trung ấm có hai thứ: Một là nghiệp quả lành, hai là nghiệp quả ác. Do nghiệp thiện nên được giác quán lành, do nghiệp ác nên bị giác quán ác. Lúc cha mẹ giao hợp, theo nhân duyên nghiệp mà đến chỗ đó thọ sinh. Đối với mẹ sinh lòng thương, đối với cha sinh lòng sân, khi tinh của cha xuất ra cho là của mình, rồi tâm vui mừng sinh hoan hỷ. Do ba thứ nhân duyên phiền não này, thân trung ấm diệt mà sinh thân năm ấm sau. Như ấn in vào đất sét, in xong thì lần chữ hiện ra. Lúc sinh ra, các căn có đầy đủ hoặc không đầy đủ; người có căn đầy đủ thấy sắc thì sinh lòng tham, vì sinh tham nên gọi là ái; vì điên cuồng mà sinh lòng tham cho nên gọi là vô minh. Do hai nhân duyên tham ái và vô minh cho nên những cảnh giới đã thấy đều điên đảo; vô thường thấy là thường, vô ngã thấy ngã, không vui thấy là vui, bất tịnh thấy là tịnh. Do bốn thứ điên đảo này nên gây tạo những nghiệp thiện ác, phiền não gây ra nghiệp, nghiệp tạo ra phiền não. Đây gọi là trói buộc. Do nghĩa này nên gọi là năm ấm sinh. Người này nếu được gần gũi chư Phật, đệ tử của Phật, cùng với thiện tri thức thì được nghe, thọ Mười hai bộ loại kinh văn. Do nghe pháp, cho nên quán những cảnh giới lành; do quán cảnh giới lành nên được trí tuệ lớn, trí tuệ lớn gọi là chánh tri kiến; vì được chánh tri kiến nên sinh lòng hối hận đối với sinh tử. Do tâm hối hận nên không ưa thích sinh tử; vì không ưa thích nên phá được tâm tham; vì phá tâm tham, nên tu tám Thánh đạo. Do tu tám Thánh đạo nên được không sinh tử; do không sinh tử nên gọi là được giải thoát. Như lửa không gặp củi gọi đó là diệt; diệt sinh tử nên gọi là diệt độ. Do nghĩa này nên gọi là thân năm ấm diệt.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Trong hư không, không có gai thì vì sao nói là nhỏ? Năm ấm

không cột trời thì làm sao nói là trời buộc?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì xiềng xích phiền não trời buộc năm ấm, xa lìa năm ấm rồi thì không có phiền não riêng biệt, xa lìa phiền não rồi thì không có năm ấm riêng biệt. Này thiện nam! Như cột chống đỡ nóc nhà, lìa nhà thì không cột, lìa cột thì không nhà. Thân năm ấm của chúng sinh cũng như vậy, vì có phiền não nên gọi là trời buộc, vì không phiền não nên gọi là giải thoát. Này thiện nam! Như nắm tay, chấp tay, cột trời, ba thứ đó hợp tan, sinh diệt không có pháp nào riêng biệt. Năm ấm của chúng sinh cũng như vậy, vì có phiền não nên gọi là trời buộc, vì không có phiền não nên gọi là giải thoát. Này thiện nam! Như nói danh sắc trời buộc chúng sinh, nếu danh sắc diệt thì không chúng sinh, lìa danh sắc rồi không có chúng sinh riêng biệt, lìa chúng sinh rồi không có danh sắc riêng biệt, cũng gọi là danh sắc trời buộc chúng sinh cũng gọi là chúng sinh trời buộc danh sắc.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như mắt không tự thấy, ngón tay không tự chạm, dao không tự cắt, thọ không tự thọ, vậy sao Như Lai nói danh sắc trời buộc danh sắc? Vì sao? Vì nói danh sắc trời buộc chúng sinh, còn nói chúng sinh thì chính là danh sắc. Nếu nói danh sắc trời buộc chúng sinh tức là danh sắc trời buộc danh sắc.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lúc hai tay chấp lại, thì không có pháp gì khác đến chấp lại. Danh cùng sắc cũng như vậy, do nghĩa này nên Ta nói danh sắc trời buộc chúng sinh. Nếu xa lìa danh sắc thì được giải thoát. Vì thế Ta nói chúng sinh giải thoát.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có danh sắc là trời buộc thì các vị A-la-hán chưa xa lìa danh sắc cũng trời buộc?

–Này thiện nam! Có hai thứ giải thoát một là tử đoạn, hai là quả đoạn. Tử đoạn là dứt phiền não, phá tan các kiết sử nên hạt giống kiết sử không thể trời buộc, vì A-la-hán chưa dứt quả nên gọi

là quả trời buộc. Các vị A-la-hán không thấy Phật tánh, vì không thấy nên không chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên có thể nói là quả trời buộc, không được gọi là danh sắc trời buộc. Nay thiện nam! Ví như thắp đèn, khi dầu chưa hết thì ánh lửa không tắt, nến dầu hết thì lửa phải tắt. Nay thiện nam! Nói dầu là dụ cho các phiền não, đèn là dụ cho chúng sinh. Tất cả chúng sinh vì dầu phiền não nên không vào Niết-bàn, nếu dứt hết phiền não thì vào Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đèn và dầu hai tánh riêng khác, còn chúng sinh và phiền não thì không như vậy; chúng sinh tức là phiền não, phiền não tức là chúng sinh. Chúng sinh gọi là năm ấm, năm ấm gọi là chúng sinh. Năm ấm gọi là phiền não, phiền não gọi là năm ấm, vậy sao Đức Như Lai lại dụ như đèn?

Phật dạy:

–Nay thiện nam! Có tám thứ ví dụ: Một là thuận dụ, hai là nghịch dụ, ba là hiện dụ, bốn là phi dụ, năm là tiên dụ, sáu là hậu dụ, bảy là tiên hậu dụ, tám là biến dụ.

Thế nào là thuận dụ? Như trong kinh nói, trời mưa lớn thì mương rãnh đều đầy nước, mương rãnh đầy thì hố nhỏ cũng đầy, hố nhỏ đầy nên hố lớn cũng đầy, hố lớn đầy nên suối nhỏ đầy, suối nhỏ đầy nên suối lớn đầy, suối lớn đầy nên ao nhỏ đầy, ao nhỏ đầy nên ao lớn đầy, ao lớn đầy nên sông nhỏ đầy, sông nhỏ đầy nên sông lớn đầy, sông lớn đầy nên biển lớn đầy. Mưa pháp của Như Lai cũng như vậy, làm cho chúng sinh đầy đủ giới hạnh. Vì giới đầy đủ nên tâm không hối hận đầy đủ, vì tâm hối hận đầy đủ nên lòng hoan hỷ đầy đủ, vì hoan hỷ đầy đủ nên sự xa lìa đầy đủ, vì xa lìa đầy đủ nên an ổn đầy đủ, vì an ổn đầy đủ nên chánh định đầy đủ, vì chánh định đầy đủ nên chánh tri kiến đầy đủ, vì chánh tri kiến đầy đủ nên sự nhàm chán xa lìa đầy đủ, vì nhàm chán xa lìa đầy đủ nên quả trách đầy đủ, vì quả trách đầy đủ nên giải thoát đầy đủ, vì giải thoát đầy đủ nên Niết-bàn trọn vẹn. Đó gọi là thuận dụ.

Thế nào là nghịch dụ? Biển lớn có nguồn là sông lớn, sông lớn

có nguồn là sông nhỏ, sông nhỏ có nguồn là ao lớn, ao lớn có nguồn là ao nhỏ, ao nhỏ có nguồn là suối lớn, suối lớn có nguồn là suối nhỏ, suối nhỏ có nguồn là hố lớn, hố lớn có nguồn là hố nhỏ, hố nhỏ có nguồn là mương rãnh, mương rãnh có nguồn là mưa to. Niết-bàn có nguồn là giải thoát, giải thoát có nguồn là quả trách, quả trách có nguồn từ nhàm chán xa lìa, nhàm chán xa lìa có nguồn từ chánh tri kiến, chánh tri kiến có nguồn từ chánh định, chánh định có nguồn là an ổn, an ổn có nguồn là xa lìa, xa lìa có nguồn là hoan hỷ, hoan hỷ có nguồn là không hối hận, không hối hận có nguồn là trì giới, trì giới có nguồn là mưa pháp. Đó gọi là nghịch dụ.

Thế nào là hiện dụ? Như trong kinh nói, tâm tánh của chúng sinh giống như khỉ vượn. Tánh của khỉ vượn là bỏ cái này lấy cái kia. Tâm tánh của chúng sinh cũng như vậy, nắm lấy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không tạm dừng. Đó gọi là hiện dụ.

Thế nào là phi dụ? Như xưa kia Ta bảo vua Ba-tư-nặc: “Đại vương! Có người thân tín từ bốn phương đến nói: “Đại vương! Có bốn núi lớn từ bốn phương đến muốn hại dân chúng”. Nếu nghe như vậy đại vương nên lập kế gì?”. Vua đáp: “Bạch Thế Tôn! Giả sử việc này có thì không còn chỗ tránh, chỉ nên chuyên tâm, trì giới, bố thí”. Ta liền khen: “Lành thay! Đại vương! Ta nói bốn núi tức là sinh, lão, bệnh, tử của chúng sinh, sinh lão, bệnh tử thường đến với chúng sinh, sao đại vương không tu tập trì giới, bố thí?”. Vua đáp: “Bạch Thế Tôn! Trì giới, bố thí được quả gì?”. Ta nói: “Đại vương! Trì giới, bố thí sẽ được hưởng sự vui sướng ở cõi trời cõi người”. Vua nói: “Bạch Thế Tôn! Cây Ni-câu-đà trì giới, bố thí cũng được hưởng phước an ổn ở cõi trời người chăng?”. Ta nói: “Đại vương! Cây Ni-câu-đà không thể trì giới tu hành bố thí, nếu nó có thể làm được thì cũng hưởng phước như người”. Đó là phi dụ.

Thế nào là tiên dụ? Trong kinh nói, như có người ham thích hoa đẹp, khi hái lấy bị nước cuốn trôi, chúng sinh cũng vậy, vì tham thọ năm dục mà bị nước sinh tử nhận chìm. Đó là tiên dụ.

Thế nào là hậu dụ? Như kinh Pháp Cú nói:

Chớ khinh tội nhỏ

*Cho là không họa
Giọt nước dầu ít
Lần đầy bình to.*

Đó là hậu dụ.

Thế nào là tiên hậu dụ? Ví như cây chuối sinh có quả thì chết, người ngu được lợi dưỡng cũng như vậy, như con La có mang, mạng sống không còn lâu.

Thế nào là biến dụ? Như trong kinh nói, trời Đao-lợi có cây Ba-lợi-chất-đa, rễ nó sâu vào đất năm do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành, lá phủ rộng năm mươi do-tuần, lá chín màu vàng. Chư Thiên thấy sinh tâm vui mừng, lá này không bao lâu sẽ rụng. Chư Thiên thấy lá rụng lại sinh vui mừng vì nhánh cây không bao lâu sẽ đổi sắc. Nhánh cây đã đổi sắc, lại sinh vui mừng vì sắc này không bao lâu sẽ sinh nụ. Chư Thiên thấy rồi lại sinh vui mừng vì nụ này không bao giờ sẽ sinh búp. Chư Thiên thấy rồi lại sinh vui mừng vì búp này không bao giờ sẽ nở ra hoa. Lúc hoa nở mùi thơm bay khắp năm mươi do-tuần, ánh sáng chiếu xa tám mươi do-tuần. Bấy giờ, chư Thiên ba tháng hạ vui chơi dưới cây này. Đây thiện nam! Hàng đệ tử của Ta cũng như vậy. Lá sắc vàng dụ cho đệ tử Ta có tâm niệm muốn xuất gia. Lá rụng dụ cho đệ tử Ta cạo bỏ râu tóc. Nhánh cây đổi sắc dụ cho đệ tử Ta bạch tứ yết-ma thọ giới cụ túc. Nụ mới sinh dụ cho đệ tử Ta phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Búp dụ cho cho Bồ-tát Thập Trụ thấy được Phật tánh. Nở ra dụ cho Bồ-tát đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Mùi thơm làm cho vô lượng chúng sinh trong mười phương thọ trì giới cấm. Chiếu sáng dụ cho danh hiệu Như Lai vang khắp mười phương không chướng ngại. Ba tháng mùa hạ dụ cho ba môn chánh định. Chư Thiên ở cõi Đao lợi vui chơi dụ cho chư Phật ở Đại Niết-bàn được thường lạc, ngã, tịnh. Đó gọi là biến dụ.

Này thiện nam! Phạm dẫn ví dụ không cần phải lấy trọn mà hoặc lấy phần ít, hoặc lấy phần nhiều, hoặc lấy hoàn toàn. Như nói khuôn mặt của Phật như mặt trăng tròn. Đây gọi là phần ít. Đây thiện nam! Ví như có người ban đầu không thấy sữa, hỏi người khác

sữa như thế nào, người đó đáp là như nước, mật, con sò. Nước thì tướng ướt, mật thì tướng ngọt, con sò thì tướng màu sắc. Tuy dẫn ba thứ ví dụ nhưng chưa thật là sữa. Ta nói ví dụ cây đèn, dụ cho chúng sinh cũng như vậy. Đây thiện nam! Xa lìa nước thì không có sông, chúng sinh cũng như vậy, xa lìa năm ấm thì không có chúng sinh. Đây thiện nam! Như tách rời thùng xe, bánh xe, trục xe, gọng xe, vành xe, thì không còn là chiếc xe, chúng sinh cũng vậy. Đây thiện nam! Nếu muốn đem pháp hợp với ví dụ cây đèn, thì hãy lắng nghe Ta sẽ thuyết giảng. Tim đèn dụ cho hai mươi lăm cõi, dầu dụ cho tham ái, ánh sáng dụ cho trí tuệ, trừ bóng tối dụ cho phá vô minh, sức nóng dụ cho Thánh đạo. Như đèn hết dầu thì ngọn lửa tắt, chúng sinh hết tham ái thì thấy Phật tánh, tuy có danh sắc nhưng không bị trôi buộc, tuy ở trong hai mươi lăm cõi nhưng không bị các cõi làm nhiễm ô.

Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Năm ấm của chúng sinh trống rỗng, không có gì thì ai lãnh thọ giáo pháp, tu tập đạo hạnh?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Tất cả chúng sinh đều có tâm niệm, tâm tuệ, tâm phát khởi, tâm tinh tấn, tâm tin tưởng, tâm định, những tâm như vậy tuy niệm niệm sinh diệt, nhưng vẫn tương tự tương tục không gián đoạn, nên gọi là tu hành.

Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những pháp như vậy đều niệm niệm diệt, niệm niệm diệt này cũng tương tự, tương tục thì làm thế nào tu tập?

Phật dạy:

–Đây thiện nam! Như ngọn đèn tuy niệm niệm diệt mà có ánh sáng phá tan bóng tối, niệm niệm các pháp cũng như vậy. Đây thiện nam! Như chúng sinh ăn uống tuy niệm niệm diệt nhưng cũng khiến cho người đói được no. Ví như thuốc hay tuy niệm niệm diệt, nhưng cũng có thể làm cho lành bệnh. Như ánh sáng mặt trời, mặt trăng tuy niệm niệm diệt nhưng cũng làm cho cây cỏ tăng trưởng. Đây thiện nam! Ông nói niệm niệm diệt thì thế nào tăng trưởng? Vì tâm không

gián đoạn nên gọi là tăng trưởng. Thiện nam! Như người đọc sách, những câu chữ đọc lên không cùng một lúc, chữ trước không đến giữa, chữ giữa không đến sau, người đọc cùng với chữ và tâm tưởng đều niệm niệm diệt, do vì rèn luyện lâu mà được thông suốt. Đây thiện nam! Ví như thợ kim hoàn, từ khi mới tập làm nghề cho đến đầu bạc, tuy niệm niệm diệt trước không đến sau, nhưng di tích tập nên việc làm càng tinh xảo, vì vậy được gọi là thợ kim hoàn giỏi, đọc tụng kinh sách cũng như vậy. Đây thiện nam! Ví như hạt giống kia, đất không bảo phải sinh mầm, vì tánh tự nhiên nên mầm tự mọc, cho đến hoa cũng không bảo người nên tự thành trái, vì tánh tự nhiên mà trái tự thành, chúng sinh tu hành cũng như vậy. Đây thiện nam! Ví như phép đếm số, một không đến hai, hai không đến ba, tuy niệm niệm diệt mà đến ngàn vạn, chúng sinh tu hành cũng như vậy. Đây thiện nam! Như ngọn đèn niệm niệm diệt, ngọn trước diệt không bảo ngọn sau rằng Ta diệt người sinh để phá tan bóng tối. Thiện nam! Như con nghé sinh ra liền tìm sữa bú, trí khôn tìm sữa thật không ai dạy, tuy niệm niệm diệt mà trước thì đói sau được no. Cho nên biết rằng trước và sau không giống nhau. Nếu giống nhau thì lẽ ra không sai khác. Chúng sinh tu hành cũng như vậy, ban đầu tuy chưa tiến bộ, nhưng do tu tập lâu thì có thể phá hoại tất cả phiền não.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói, người chứng quả Tu-đà-hoàn rồi, dù thác sinh vào cõi nước hung ác vẫn trì giới không sát sinh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, uống rượu. Thân năm ấm của Tu-đà-hoàn đã hoại diệt ở chỗ này thì không qua cõi nước hung ác. Người tu hành cũng, không đến nước hung ác. Nếu là tương tự thì tại sao không sinh nơi cõi nước tịnh diệu. Nếu thân năm ấm ở cõi nước hung ác chẳng phải là thân năm ấm của Tu-đà-hoàn thì do đâu mà không gây tạo nghiệp ác?

–Đây thiện nam! Vị Tu-đà-hoàn tuy sinh vào cõi nước hung ác nhưng vẫn hoàn toàn không mất danh hiệu Tu-đà-hoàn, thân năm ấm không tương tự nên Ta dẫn con nghé làm ví dụ. Vì Tu-đà-hoàn tuy sinh vào cõi ác, do có đạo lực nên không gây tạo nghiệp ác. Đây thiện nam! Ví như núi Hương có sư tử chúa nên tất cả loài chim bay,

thú chạy đều ẩn nấp, không dám đến gần núi này. Có lúc sư tử chúa đến núi Tuyết, nhưng tất cả loài chim, thú vẫn không đến gần núi Hương. Vị Tu-đà-hoàn cũng như vậy, tuy không tu tập đạo nhưng nhờ đạo lực nên không tạo nghiệp ác. Đây thiện nam! Ví như có người uống cam lồ, chất cam lồ tuy đã tiêu hóa nhưng năng lực của thuốc có thể khiến cho người uống không già, không chết. Đây thiện nam! Như núi Tu-di có thuốc thượng diệu tên là Lăng-già-lợi, người uống thuốc này tuy niệm niệm diệt, nhưng do năng lực của thuốc nên người uống thuốc không bao giờ gặp bệnh khổ. Đây thiện nam! Như chỗ ngồi của Chuyển luân vương, tuy vua không ngự nhưng không ai dám đến gần. Vì sao? Vì oai lực của vua. Vị Tu-đà-hoàn cũng như vậy, dù sinh nơi cõi nước hung ác, không tu tập đạo, nhưng do đạo lực nên không tạo nghiệp ác. Thiện nam! Thân năm ấm Tu-đà-hoàn tan hoại ở đây, tuy sinh thân năm ấm khác, nhưng vẫn không mất thân năm ấm Tu-đà-hoàn. Đây thiện nam! Ví như chúng sinh vì được quả nên đối với hạt giống ra công chăm sóc vun phân, bón tưới, chưa được trái mà hạt giống lại hư hoại, nhưng cũng được gọi là nhân nơi hạt giống mà được trái. Thân năm ấm của Tu-đà-hoàn cũng như vậy. Đây thiện nam! Ví như có người tài sản to lớn, chỉ có một đứa con trai chết sớm, người con này lại có đứa con trai ở xứ khác, người giàu này bỗng nhiên qua đời, đứa cháu nội nghe tin trở về nhận lấy sản nghiệp, tuy biết tài sản chẳng phải nó tạo ra, nhưng nó vẫn nhận lấy không ai ngăn cản. Vì sao? Vì nó cùng một họ. Thân năm ấm của Tu-đà-hoàn cũng như vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hồng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như bài kệ Phật nói:

Tỳ-kheo nếu tu tập

Giới định và trí tuệ

Nên biết là chẳng thoái

Gần gũi Đại Niết-bàn..

Bạch Thế Tôn! Thế nào là tu giới? Thế nào là tu định? Thế nào là tu tuệ?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu có người thọ trì giới cấm, chỉ vì muốn tự lợi, hưởng thọ sự vui cõi trời, người, không vì độ thoát tất cả chúng sinh, không vì ủng hộ chánh pháp vô thượng, chỉ vì lợi dưỡng sợ ba đường ác, vì sự sống, sắc đẹp, sức mạnh, an ổn, biện tài vô ngại, vì sợ luật pháp của vua, sợ tiếng xấu, vì sự nghiệp thế gian, thọ trì giới như vậy thì không được gọi là tu tập giới.

Này thiện nam! Thế nào gọi là chân thật tu tập giới? Khi thọ trì giới, nếu vì độ thoát tất cả chúng sinh, vì hộ trì chánh pháp để độ người chưa được độ, giải bày cho người chưa hiểu, quy y cho người chưa quy y, người chưa nhập Niết-bàn khiến cho nhập Niết-bàn, khi tu tập như vậy không thấy giới, không thấy giới tướng, không thấy người trì, không thấy quả báo, không tìm xem hủy phạm, thì này thiện nam! Nếu có thể được như vậy, thì mới gọi là tu tập giới.

Thế nào gọi là tu tập chánh định? Khi tu chánh định, vì tự độ thoát, vì lợi dưỡng mà chẳng vì chúng sinh, chẳng vì hộ pháp, vì thấy tội lỗi tham dục, ăn uống, vì thấy nam căn, nữ căn, chín lỗ bất tịnh, vì đấu tranh, gây gỗ giết hại nhau, nếu vì những việc này mà tu chánh định thì không gọi là tu tập chánh định.

Này thiện nam! Thế nào gọi là tu tập chánh định chân chánh? Nếu vì chúng sinh tu tập chánh định thì đối với chúng sinh có tâm bình đẳng, vì khiến cho chúng sinh được pháp bất thoái, vì khiến chúng sinh được thánh tâm, vì làm cho chúng sinh được Đại thừa, vì muốn hộ trì pháp vô thượng, vì làm cho chúng sinh không thoái tâm Bồ-đề, vì làm cho chúng sinh được Thủ-lăng-nghiêm, làm cho chúng sinh được Tam-muội Kim cang, vì làm cho chúng sinh được Đà-la-ni, vì làm cho chúng sinh được bốn vô ngại, vì làm cho chúng sinh thấy Phật tánh. Khi thực hành không thấy Tam-muội, không thấy người tu, không thấy quả báo thì Này thiện nam! Nếu có thể như vậy, gọi là tu tập chánh định.

Thế nào là tu tập trí tuệ? Nếu có người tu tập suy nghĩ: “Nếu ta tu tập trí tuệ như vậy, được giải thoát khỏi ba cõi ác, thì ai có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh? Ai có thể ở trong đường sinh tử mà độ chúng sinh? Phật ra đời khó gặp như hoa Ưu-đàm, nay ta có thể

đoạn trừ phiền não kiết sử quyết được quả giải thoát, nên ta phải siêng năng tu tập trí tuệ để mau dứt trừ phiền não, sớm được giải thoát” thì tu tập như vậy, không được gọi là tu tập trí tuệ.

Thế nào gọi là tu tập chân chánh? Người trí nếu quan sát sự khổ sinh, già, chết, tất cả chúng sinh bị vô minh che lấp, không biết tu tập đạo vô thượng, nguyện đem thân này của ta nhận lấy khổ não thay thế cho chúng sinh. Chúng sinh có tâm bần cùng, hạ tiện, phá giới, nghiệp tham, sân, si nguyện đều dồn hết nơi thân mình, nguyện cho chúng sinh không tham đắm, không bị danh sắc trói buộc, nguyện cho chúng sinh mau thoát khỏi sinh tử, chỉ để một thân mình ở nơi sinh tử không nhằm chán. Nguyện cho tất cả chúng sinh đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi tu tập như vậy, không thấy trí tuệ, không thấy tướng trí tuệ, không thấy người tu tập, không thấy quả báo. Đó gọi là tu tập trí tuệ. Thiện nam! Người tu tập giới, định, tuệ như vậy gọi là Bồ-tát. Người không thể tu tập giới, định, tuệ như vậy gọi là Thanh văn.

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào lại gọi là tu tập giới? Đó là có thể phá hoại mười sáu ác luật nghi của tất cả chúng sinh. Những gì là mười sáu? Một là vì lợi mà nuôi dê cho mập rồi đem bán, hai là vì lợi mua dê để làm thịt, ba là vì lợi nuôi heo cho mập để bán, bốn là vì lợi mua heo để làm thịt, năm là vì lợi nuôi bò con cho mập để bán, sáu là vì lợi mua bò để làm thịt, bảy là vì lợi nuôi gà cho mập để bán, tám là vì lợi mua gà để làm thịt, chín là câu cá; mười là làm thợ săn, mười một là cướp giật, mười hai là thái thịt, mười ba là dùng lưới để bắt chim, mười bốn là nới hai lưới, mười lăm là làm lính giữ ngục, mười sáu là làm bùa chú bắt rồng. Có thể vì chúng sinh vĩnh viễn đoạn trừ mười sáu nghiệp ác như thế gọi là tu giới.

Thế nào là tu định? Có thể dứt bỏ tất cả định thế gian, đó là định vô thân, có thể làm cho chúng sinh sinh tâm điên đảo cho là Niết-bàn. Có định vô biên tâm, định thế đoán, định thế tánh, định thế trượng phu, định phi tưởng, định phi phi tưởng. Những môn định như vậy có thể làm cho chúng sinh sinh tâm điên đảo cho là Niết-bàn. Nếu có thể dứt hẳn định như vậy thì gọi là tu tập chánh định.

Thế nào gọi là tu tập trí tuệ? Có thể phá những ác kiến của thế gian. Tất cả chúng sinh đều có ác kiến, đó là chấp sắc là ngã cũng là ngã sở, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, cho đến chấp thức cũng như vậy. Thường tức là ngã, sắc diệt ngã còn. Sắc tức là ngã, sắc diệt ngã cũng diệt. Lại có người nói rằng tác giả gọi là ngã, thọ giả gọi là sắc. Lại có người nói tác giả gọi là sắc, thọ giả gọi là ngã. Lại có người nói không tác giả, không thọ giả, tự sinh, tự diệt đều không phải nhân duyên. Lại có người nói không tác giả, không thọ giả đều do tự tại tạo ra. Lại có người nói không có tác giả, không có thọ giả, tất cả đều do thời tiết tạo ra. Lại có người nói tác giả, thọ giả đều không có, do năm đại như địa v.v... mà gọi là chúng sinh. Đây thiện nam! Nếu có thể phá hoại những ác kiến như thế của chúng sinh thì gọi là tu tập trí tuệ. Đây thiện nam! Tu tập giới là để cho thân vắng lặng, tu tập chánh định để cho tâm vắng lặng, tu tập trí tuệ để phá trừ lòng nghi, phá trừ lòng nghi là để tu tập đạo, tu tập đạo là để thấy Phật tánh, thấy Phật tánh là để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là được Đại Niết-bàn vô thượng, được Đại Niết-bàn là dứt trừ tất cả sinh tử, tất cả phiền não, tất cả các hữu, tất cả các cõi, tất cả các đế của chúng sinh, dứt trừ sinh tử cho đến dứt trừ đế để được pháp thường, lạc, ngã, tịnh.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, nếu không sinh, không diệt gọi là Đại Niết-bàn, vậy thì sinh cũng bất sinh bất diệt như thế sao không được gọi là Niết-bàn?

–Đây thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói, sinh tuy cũng là bất sinh bất diệt nhưng có thì có chung.

–Bạch Thế Tôn! Pháp sinh tử này cũng vô tử vô chung. Nếu vô tử vô chung thì gọi là thường, mà thường tức là Niết-bàn, vậy có sao không gọi là sinh tử là Niết-bàn?

–Đây thiện nam! Pháp sinh tử này đều có nhân quả, có nhân quả nên không được gọi là Niết-bàn. Vì sao? Vì thể của Niết-bàn vốn không nhân quả.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nói về Niết-bàn cũng có nhân quả, như Đức Phật đã dạy:

*Từ nhân sinh cõi trời
 Từ nhân đọa ác đạo
 Từ nhân được Niết-bàn
 Cho nên đều có nhân.*

Xưa kia Phật bảo các Tỳ-kheo: “Nay Ta sẽ nói đạo quả Sa-môn. Nói Sa-môn, nghĩa là người có thể tu tập đầy đủ giới, định, tuệ. Đạo là tám Thánh đạo. Quả của Sa-môn là Niết-bàn”. Bạch Thế Tôn! Niết-bàn như vậy chẳng phải quả chăng? Sao hôm nay Phật nói thể của Niết-bàn không nhân không quả?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta đã giảng nói nhân của Niết-bàn là Phật tánh, tánh của Phật tánh không sinh Niết-bàn nên Ta nói Niết-bàn không nhân, vì có thể phá phiền não nên gọi là quả Đại Niết-bàn. Niết-bàn này không từ nơi đạo sinh ra nên gọi là không có quả. Do đó nên Niết-bàn không nhân, không quả.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phật tánh của chúng sinh là có chung hay là có riêng? Nếu có chung thì một người khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả chúng sinh đáng lẽ cũng đồng được chứng đắc. Như hai mươi người cùng có một kẻ oán thù, nếu một người có thể trừ được kẻ thù thì mười chín người kia cũng đồng hết người thù. Phật tánh cũng như vậy, khi một người được thì những người khác đáng lẽ cũng được. Nếu mỗi chúng sinh riêng có Phật tánh thì đó là vô thường. Vì sao? Vì có thể tính đếm được. Nhưng Đức Phật nói Phật tánh của chúng sinh không một không hai. Nếu là riêng có thì không nên nói chư Phật bình đẳng, cũng chẳng nên nói Phật tánh như hư không.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh không phải một, không phải hai, chư Phật bình đẳng giống như hư không. Tất cả

chúng sinh đồng có Phật tánh, nếu có thể tu tám Thánh đạo thì nên biết người này được thấy rõ. Nay thiện nam! Trên núi Tuyết có thứ cỏ tên là Nhẫn nhục, nếu bò ăn cỏ này thì sinh ra chất đề hồ. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Như lời Phật dạy thì cỏ Nhẫn nhục là một hay nhiều? Nếu là một bò ăn thì hết. Nếu là nhiều sao Phật nói Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy? Như Phật nói, nếu có người tu tập tám Thánh đạo thì thấy được Phật tánh, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì Thánh đạo nếu là một như cỏ nhẫn nhục thì lẽ ra phải hết. Nếu Thánh đạo hết thì một người tu xong những người khác không có phần. Nếu Thánh đạo là nhiều thì vì sao nói là tu tập đầy đủ cũng không được gọi là Nhất thiết trí?

Phật dạy:

–Nay thiện nam! Như con đường bằng phẳng, tất cả chúng sinh đều đi trên đường không chướng ngại, giữa đường có một tàn cây tỏa bóng mát mẻ. Người đi đường dừng lại nghỉ ngơi dưới bóng cây, nhưng bóng cây này vẫn thường như vậy không thay đổi, cũng chẳng hư mất, không ai mang đi. Đường bằng phẳng dụ cho Thánh đạo, bóng mát dụ cho Phật tánh. Nay thiện nam! Ví như thành lớn chỉ có một cửa, tuy có nhiều người ra vào qua lại, nhưng không làm chướng ngại, cũng không có người phá hoại hoặc mang đi. Nay thiện nam! Ví như cây cầu có nhiều người đi, cũng không có người cản trở chướng ngại, phá hoại hoặc mang đi. Nay thiện nam! Ví như lương y trị đủ thứ bệnh, cũng không ai ngăn cản lương y trị bệnh người này, bỏ người kia. Thánh đạo và Phật tánh cũng như vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những ví dụ của Phật đưa ra, theo nghĩa không phải như vậy. Vì sao? Vì người trước ở trên đường thì trở ngại cho người đi sau, sao lại nói là không chướng ngại? Những điều dụ khác cũng như vậy. Thánh đạo, Phật tánh như vậy thì lúc một người tu hành lẽ ra phải trở ngại những người khác.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông hỏi, thì nghĩa không thích hợp. Những điều dụ của Ta dẫn ra là dụ phần ít, chẳng phải dụ tất cả. Thiện nam! Con đường ở đời thường có chướng nạn, kia khác với đây, không có bình đẳng. Đạo vô lậu thì không như vậy, có thể làm cho chúng sinh không có chướng ngại, luôn bình đẳng không hai, không có nơi chốn, kia đây sai khác. Chánh đạo như vậy có thể làm liễu nhân cho Phật tánh của tất cả chúng sinh, mà chẳng làm sinh nhân, như ngọn đèn sáng soi rõ các đồ vật. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đều đồng vô minh làm nhân duyên cho hành nhưng không thể nói rằng một người vô minh làm nhân duyên cho hành rồi thì những người khác lẽ ra không có. Tất cả chúng sinh đều có vô minh làm nhân duyên cho hành, cho nên nói mười hai nhân duyên tất cả đều bình đẳng. Chúng sinh tu tập đạo vô lậu cũng như vậy, dứt trừ phiền não của chúng sinh và con đường các cõi của bốn loài. Do nghĩa này nên gọi là bình đẳng. Những người chứng được thì cái thấy biết kia, đây không có chướng ngại, nên được gọi là Nhất thiết trí.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Tất cả chúng sinh không đồng một thân, hoặc là thân trời, thân người, thân súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, những thân sai khác như vậy không phải một, tại sao nói Phật tánh là một?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ví như có người để chất độc trong sữa, cho đến để hồ đều có độc, sữa tươi không gọi là sữa đặc, sữa đặc không gọi là sữa tươi cho đến để hồ cũng như vậy, danh tự tuy biến đổi nhưng tánh độc không biến mất, trong khắp năm vị đều như vậy. Nếu uống để hồ mà không chết thì thật ra không bỏ độc trong để hồ. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, tuy ở trong năm đường thọ thân sai khác, nhưng Phật tánh thường hằng duy nhất không biến đổi.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trong mười sáu nước lớn có sáu thành lớn, đó là thành Xá-bà-đề, thành Bà-chỉ-đa, thành Chiêm-bà, thành Tỳ-xá-ly, thành Ba-la-nại, thành Vương-xá. Sáu thành này rất lớn, tại sao bỏ thành này mà đến nơi thành Câu-thi-na nhỏ hẹp xấu xí để nhập

Niết-bàn?

–Này thiện nam! Ông không nên nói thành Câu-thi-na là biên địa nhỏ hẹp xấu xí, mà nên nói thành này được trang nghiêm bằng công đức vi diệu. Vì sao? Vì chỗ này chư Phật, Bồ-tát thường đến. Này thiện nam! Như nhà của người nghèo, nếu có vua đi qua thì nên khen ngợi nhà này có phước đức đầy đủ, trang nghiêm nên nhà vua mới ngự giá đến. Này thiện nam! Như người bệnh nặng, uống thuốc dở xấu, uống xong lành bệnh, liền khen thuốc này rất hay, rất tốt chữa lành bệnh của mình. Này thiện nam! Như người đi thuyền ở trong biển lớn, thuyền bị hư chìm không nơi nương tựa, nhờ ôm tử thi mà được vào bờ, đến bờ rồi vui mừng khen là mình nhờ tử thi mà được an ổn. Thành Câu-thi-na cũng như vậy là chỗ đi đến của chư Phật, Bồ-tát, sao ông lại nói thành là chốn biên địa nhỏ hẹp xấu xí? Này thiện nam! Ta nhớ thuở xa xưa cách đây hằng hà sa kiếp, kiếp ấy hiệu là Thiện giác. Lúc ấy, có Thánh vương họ Kiền-thi-ca, thành tựu bảy báu, ngàn con đầy đủ. Vua này là người ban đầu xây dựng thành trì này, chung quanh dài rộng mười hai do-tuần, bảy báu trang nghiêm, có nhiều con sông, nước trong sạch, êm ả ngon ngọt, đó là sông Ni-liên-thiền, sông Y-la-bạt-đề, sông Hy-liên-thiền, sông Y-sưu-mạt-đề, sông Tỳ-bà-xá-na. Tất cả có năm trăm con sông như vậy. Hai bên bờ sông cây cối sum suê, hoa trái tươi tốt. Người dân thời ấy sống lâu vô lượng. Khi ấy Chuyển luân Thánh vương qua khỏi trăm năm, xướng lên: “Như lời Phật dạy, tất cả các pháp đều vô thường. Nếu ai tu tập mười pháp thiện thì có thể dứt trừ được sự vô thường khổ não ấy”. Dân chúng nghe rồi đều cùng nhau phụng trì tu tập mười pháp thiện. Thuở đó, Ta nghe danh hiệu của Phật, suy nghĩ tu tập thọ trì mười pháp thiện, ban đầu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phát tâm rồi lại đem pháp này chỉ dạy cho vô lượng vô biên chúng sinh rằng tất cả các pháp đều vô thường biến hoại. Do đó nên hôm nay Ta tiếp tục ở chỗ này, giảng nói các pháp vô thường biến hoại, chỉ có thân Phật là pháp thường trụ. Ta nhớ nhân duyên đời trước đã làm, cho nên nay đến nơi này nhập Niết-bàn, cũng muốn đền đáp ân đời trước của chỗ này. Do nghĩa đó, Nên ta nói trong kinh: Quyến thuộc của Ta là thọ ơn thì phải báo đáp.

Lại nữa, này thiện nam! Thuở xưa, khi chúng sinh tuổi thọ vô lượng, bấy giờ, thành này gọi là Câu-xá-bạt-đề, chung quanh ngang rộng năm mươi do-tuần. Lúc đó ở cõi Diêm-phù-đề người ở gần gũi nối tiếp nhau. Có Chuyển luân vương hiệu là Thiện Kiến, bảy báu thành tựu, ngàn con đầy đủ, cai trị khắp bốn cõi. Vị thái tử thứ nhất tư duy về chánh pháp chứng được Phật-bích-chi. Bấy giờ vua Chuyển luân thấy thái tử thành Phật-bích-chi oai nghi mực thước, thần thông hy hữu, thấy việc này rồi, liền xả bỏ ngôi vua như bỏ đờm dãi, xuất gia ở trong rừng Ta-la này, trải qua tám vạn năm tu tập tâm từ, tu tập tâm bi, hỷ, xả mỗi loại cũng tám vạn năm như vậy. Này thiện nam! Nên biết, Thánh vương Thiện Kiến thời đó chính là thân Ta. Do đó nên ngày nay Ta thường ưa thích thực hành bốn pháp này, bốn pháp này gọi là chánh định. Do nghĩa này nên thân Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh. Này thiện nam! Do nhân duyên này nên hôm nay Ta đến thành Câu-thi-na này ở trong rừng Ta-la song thọ mà nhập Tam-muội chánh định.

Này thiện nam! Ta nhớ thuở xưa, cách đây vô lượng kiếp, bấy giờ thành này tên là Ca-tỳ-la-vệ, trong thành có vua hiệu là Bạch Tịnh, phu nhân là Ma-da, vua có một đứa con tên là Tất-đạt-đa. Lúc đó, Thái tử không học với thầy, tự mình tư duy tu tập chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vị này có hai đệ tử, một tên là Xá-lợi-phất, hai tên là Mục-kiền-liên và đệ tử thị giả tên là A-nan. Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trong rừng song thọ nói kinh Đại Niết-bàn. Lúc đó, Ta được dự pháp hội, nghe chúng sinh đều có Phật tánh. Nghe xong, đối với Bồ-đề liền được bậc Bất thoái chuyển, tự phát nguyện: “Nguyện đời vị lai lúc tôi thành Phật thì cha mẹ, cõi nước, danh hiệu, đệ tử, thị giả, sự thuyết pháp giáo hóa đều đồng như Thế Tôn hôm nay không sai khác”. Do nhân duyên đó, nên hôm nay Ta đến nơi đây diễn nói kinh Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Khi Ta mới xuất gia chưa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vua Tần-bà-sa-la sai sứ giả đến nói với Ta: “Thái tử Tất-đạt-đa! Nếu Ngài làm Thánh vương thì tôi sẽ thần phục. Nếu xuất gia mà chứng đắc Bồ-đề vô thượng thì trước hết xin đến thành Vương-xá để thuyết pháp độ người và thọ nhận sự cúng dường của tôi”. Lúc đó Ta yên lặng nhận

lời thỉnh của vua. Nay thiện nam! Khi Ta mới đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền đi về hướng nước Kiệt-xà, lúc đó nơi sông Ni-liên-thiên có Bà-la-môn họ Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử ở bên sông cầu đạo vô thượng, Ta vì người này nên đến thuyết pháp. Ca-diếp nói: “Thưa Cù-đàm! Nay tôi đã già một trăm hai mươi tuổi, trong nước Ma-già-đà, tất cả dân chúng cùng vua Tần-bà-sa-la đều cho là tôi đã chứng quả La-hán. Nay nếu tôi ở trước Ngài nghe thọ giáo pháp thì tất cả mọi người sẽ sinh lòng nghi ngờ là Đại đức Ca-diếp chẳng phải La-hán sao? Mong Cù-đàm mau đi nơi khác. Nếu mọi người biết rõ công đức Cù-đàm hơn tôi thì chúng tôi không nhận được sự cúng dường”. Lúc đó Ta đáp: “Này Ca-diếp! Nếu ông đối với Ta không quá sân hận thì cho Ta nghỉ ngơi một đêm sáng sớm sẽ đi”. Ca-diếp nói: “Thưa Cù-đàm! Tôi không có tâm gì khác, tôi kính mến tôn trọng Ngài, nhưng vì chỗ ở của tôi có con rồng độc, tánh hung dữ, sợ nó làm hại Ngài”. Ta nói: “Ca-diếp! Độc trong các thứ độc không gì hơn ba thứ độc, nay Ta đã dứt trừ, nên tất cả thứ độc trong đời Ta đều chẳng sợ”. Ca-diếp lại nói: “Nếu Ngài không sợ thì mời ở lại”.

Này thiện nam! Lúc đó Ta cố ý vì Ca-diếp mà hiện mười tám môn thần biến như trong kinh nói. Lúc đó Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử thấy, nghe như thế rồi đều chứng quả A-la-hán. Bấy giờ Ca-diếp lại có hai người em: một là Già-da Ca-diếp, hai là Na-đề Ca-diếp, thầy trò quyến thuộc gồm có năm trăm người cũng đều chứng quả A-la-hán. Lúc đó trong thành Vương-xá, hàng Lục sư ngoại đạo nghe việc này liền sinh tâm rất ác độc với Ta. Bấy giờ Ta nhận lời thỉnh của vua đến thành Vương-xá, giữa đường được vua cùng trăm ngàn người đón rước. Ta vì họ thuyết pháp. Khi nghe pháp rồi, tám vạn sáu ngàn chư Thiên cõi Dục phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mười hai vạn người theo hầu vua Tần-bà-sa-la đắc quả Tu-đà-hoàn, vô lượng chúng sinh thành tựu tâm nhẫn. Khi vào thành, Ta độ Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên cùng hai trăm năm mươi đệ tử của hai người, khiến họ bỏ tâm ngoại đạo, xuất gia học Phật. Ta liền ở lại đó thọ nhận sự cúng dường của vua. Hàng Lục sư ngoại đạo cùng nhau hợp lại đến ở thành Xá-vệ. Trong thành Xá-vệ có một trưởng

giả tên Tu-đạt-đa, vì việc hỏi vợ cho con nên đến thành Vương-xá, ở nhà của trưởng giả San-đàn-na. Giữa đêm, trưởng giả San-đàn-na thức dậy gọi bảo quyến thuộc: “Các người mau thức dậy quét dọn, sửa sang, trang hoàng nhà cửa, bày biện thức ăn uống”. Tu-đạt-đa nghe rồi tự suy nghĩ: “Nhà này sắp thỉnh vua Ma-già-đà hay có lẽ cưới hỏi hội hè gì chăng?”. Nghĩ vậy rồi, Tu-đạt-đa tìm trưởng giả San-đàn-na hỏi: “Ông muốn thỉnh vua nước Ma-già-đà là Tần-bà-sa-la hay có lẽ cưới hỏi, hội hè, mà công việc vội vàng khẩn trương như vậy?”. Trưởng giả đáp: “Không đâu cư sĩ! Sáng mai tôi thỉnh Đức Phật, dâng Pháp vương vô thượng”. Tu-đạt-đa nghe danh hiệu “Phật” toàn thân lông tóc dựng đứng, liền hỏi: “Thế nào là Phật?”. Trưởng giả đáp: “Ông không nghe chăng? Thành Ca-tỳ-la có người dòng họ Thích, tên Tất-đạt-đa, họ Cù-đàm. Phụ vương là Bạch Tịnh. Khi Thái tử sinh ra chưa bao lâu, các thầy tướng xem tướng Thái tử, đoán chắc là Thái tử sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương rõ ràng như trái Am-la trong lòng bàn tay. Nhưng Thái tử chẳng ưa thích, nên bỏ nhà mà xuất gia, không thầy mà tự giác ngộ, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dứt hết tham, sân, si, thường trụ không biến đổi, không sinh, không diệt, chẳng còn lo sợ. Đối với các chúng sinh tâm Đức Phật bình đẳng như cha mẹ thương con một, có thân tâm thù thắng hơn mọi người, tuy hơn tất cả mà không kiêu mạn, đối với người giúp đỡ cũng như kẻ làm hại, tâm Ngài không phân biệt, trí tuệ thông suốt, đối với các pháp không có chướng ngại, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, năm trí, Tam-muội, đại từ, đại bi và ba niệm xứ, cho nên gọi là Phật. Sáng mai Đức Phật đến nhà tôi thọ trai nên phải bận rộn lo sắp đặt, không rảnh tiếp đãi”. Tu-đạt-đa nói: “Lành thay! Thưa trưởng giả! Đức Phật có công đức vô thượng, hiện nay Ngài ở đâu?”. Trưởng giả đáp: “Hiện nay Đức Phật ở tại Tinh xá Ca-lan-đà nơi Trúc lâm thuộc thành Vương-xá này”. Bấy giờ, Tu-đạt-đa nhất tâm nhớ nghĩ đến công đức mười lực, vô úy, năm trí, Tam-muội, đại từ, đại bi và ba niệm xứ của Phật. Lúc đang nhớ nghĩ như vậy bỗng nhiên có ánh sáng rực rỡ chiếu đến như ban ngày. Ông liền theo ánh sáng đi đến cửa thành. Do thần lực của Phật nên cửa thành tự mở. Ông ra khỏi cửa thành bên đường có miếu thờ trời, Tu-

đạt-đa đến miếu chí thành lạy, bỗng trời tối lại, ông sinh tâm lo sợ liền muốn trở về nhà. Bấy giờ, ở cửa thành đó có một thiên thần bảo Tu-đạt: “Này nhân giả! Nếu ông đến chỗ Như Lai sẽ được nhiều lợi ích tốt đẹp”. Tu-đạt-đa thưa: “Thế nào là lợi ích tốt đẹp?”. Thiên thần đáp: “Này trưởng giả! Giả sử có người đem châu báu anh lạc, trăm con tuấn mã, trăm con hương tượng, trăm cỗ xe báu, đúc trăm người vàng, mỹ nữ đoan chánh đeo chuỗi anh lạc, trang điểm bằng các thứ châu báu; nhà cửa, cung điện, chạm trổ tốt đẹp, mâm vàng đựng lúa bạc, mâm bạc đựng lúa vàng mỗi thứ một trăm, đem tất cả bố thí cho một người, như thế lần lượt bố thí tất cả người trong cõi Diêm-phù-đề thì công đức có được không bằng có người phát tâm bước một bước đến chỗ Như Lai”. Tu-đạt-đa hỏi: “Ông là ai?”. Đáp: “Này trưởng giả! Ta là Thắng Tướng, con của một Bà-la-môn thuở xưa là bạn cũ của ông. Thuở xưa ta nhân thấy Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên sinh tâm hoan hỷ, nên khi xả thân được sinh làm thái tử của Thiên vương Tỳ-sa-môn phương Bắc, chuyên hộ trì thành Vương-xá này. Ta nhân vì cung kính lễ bái Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên sinh tâm hoan hỷ mà còn được thân tốt đẹp thế này, huống gì là được thấy Đức Như Lai lễ bái cúng dường”. Trưởng giả Tu-đạt nghe việc này rồi liền trở lại thẳng đường đến chỗ Ta, đến rồi đầu mặt lễ dưới chân Ta. Bấy giờ, Ta vì ông mà thuyết pháp. Sau khi nghe pháp, trưởng giả Tu-đạt-đa chứng quả Tu-đà-hoàn. Đã chứng quả rồi lại thỉnh Ta: “Như Lai đại từ, xin thỉnh Ngài đến thành Xá-vệ nhận sự cúng dường của con”. Ta hỏi: “Nước Xá-vệ của ông có Tinh xá để dung nạp giáo đoàn của Ta không?”. Tu-đạt-đa thưa: “Nếu Như Lai thương tưởng quang lâm, con sẽ tận lực lo xây dựng”. Này thiện nam! Khi ấy Ta yên lặng nhận lời. Trưởng giả Tu-đạt nghe Ta hứa rồi, liền bạch: “Con từ xưa đến nay chưa làm việc này. Xin Như Lai cho Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỉ dạy cách thức, con sẽ vâng lệnh làm theo”. Bấy giờ Xá-lợi-phất, Tu-đạt-đa cùng đi một xe đến thành Xá-vệ. Do thần lực của Ta nên chỉ trải qua một ngày đêm thì đến chỗ dừng nghỉ. Bấy giờ, Tu-đạt-đa bạch Xá-lợi-phất: “Đại đức! Ngoài thành lớn này, có chỗ đất nào không gần, không xa, nhiều ao, suối, có rừng cây hoa trái tươi tốt, thanh tịnh vắng lặng tôi sẽ dựng

Tinh xá để Đức Thế Tôn và chúng Tăng ở”. Xá-lợi-phất nói: “Vườn của Thái tử Kỳ-đà không gần, không xa, thanh tịnh vắng lặng, có nhiều ao suối, vườn cây, hoa trái tùy thời đều có. Chỗ đất này rất đẹp, có thể xây dựng Tinh xá. Bấy giờ Tu-đạt-đa nghe nói rồi liền đến chỗ đại Trưởng giả Kỳ-đà nói: “Tôi muốn xây dựng Tăng phòng để cúng dường đức Pháp Vương vô thượng. Chỉ có vườn của đại Trưởng giả mới dựng được. Nay tôi muốn mua có được không?”. Kỳ-đà đáp: “Giả như ông đem vàng lót khắp mặt đất, ta còn chẳng bán”. Tu-đạt-đa nói: “Lành thay! Kỳ-đà! Vườn đất thuộc về tôi. Ngài sẽ lấy vàng”. Kỳ-đà nói: “Ta không bán vườn sao sẽ lấy vàng”. Tu-đạt-đa nói: “Nếu ý Ngài không rõ ràng xin đến quan xử đoán để giải quyết”. Bấy giờ, hai người liền đến chỗ quan xử đoán. Quan xử đoán nói: “Vườn thuộc Tu-đạt, Kỳ-đà lấy vàng”. Trưởng giả Tu-đạt liền cho người dùng xe ngựa chở vàng đến lót khắp mặt đất chỉ trong một ngày, còn năm trăm bước là chưa lót khắp. Kỳ-đà nói: “Nếu Trưởng giả hối hận thì tùy ý dừng lại”. Trưởng giả Tu-đạt nói: “Tôi không hối hận. Tôi đang suy nghĩ nên xuất kho vàng nào để lót đủ khoảng còn lại”. Kỳ-đà nghĩ: “Như Lai thật là đáng Pháp Vương vô thượng, đã giảng nói diệu pháp thanh tịnh, không nhiễm ô, nên khiến người này xem nhẹ vàng như vậy”. Ông liền nói với Trưởng giả Tu-đạt: “Chỗ đất còn lại không cần lót vàng nữa, tôi xin dâng cúng và tôi tự xây dựng cửa ngõ để Như Lai ra vào”. Trưởng giả Kỳ-đà tự xây cửa ngõ. Trưởng giả Tu-đạt, trong bảy ngày dựng một gian nhà lớn đủ ba trăm căn, sáu mươi ba thiền phòng thanh tịnh, nhà mùa đông, nhà mùa hạ mỗi chỗ khác nhau, nhà bếp, nhà tắm, chỗ rửa chân, nhà đại tiểu tiện, tất cả đều đầy đủ. Công việc hoàn tất, Trưởng giả cầm lư hương hướng về thành Vương-xá bạch: “Việc xây cất Tinh xá đã xong. Ngưỡng mong Đức Như Lai từ bi xót thương chúng sinh mà nhận ở Tinh xá này”. Bấy giờ Ta ở thành Vương-xá biết rõ tâm niệm của Trưởng giả, liền cùng đại chúng rời thành Vương-xá, như trong khoảnh khắc tráng sĩ co duỗi cánh tay, đã đến Tinh xá Tu-đạt trong vườn cây Kỳ-đà thành Xá-vệ. Khi Ta đến rồi, Trưởng giả Tu-đạt đem tất cả công trình xây dựng cúng dường cho Ta. Khi ấy Ta thọ nhận rồi lưu trú tại đây.

